

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN
HỌC BỔNG HK1**

Khoa Lịch Sử (năm học 2010
-2011)

(Danh sách kèm theo quyết định số
1063/QĐ-ĐHSP ngày 06/06/2011)

STT	Họ và tên	Mã SV	ĐT BH	ĐR L	Mức c	Số tiền học bổng
1	Lưu Dun Thị g	K363.3	82	.60 2	2.0	300,1,5 000 00, 16 000
2	Ngũ Dũn yễn g	K363.1	83	.60 8	2.0	240,1,2 000 00, 17 000
3	Ngũ Hòa yễn Thị Xuân	K363.1	80	.60 8	2.0	240,1,2 000 00, 27 000
4	Thư Hươ ờng ng Võ	K363.2	82	.60 1	2.0	300,1,5 000 00, 29 000
5	Ngũ Lan yễn Thị	K363.7	83	.60 1	2.0	300,1,5 000 00, 35 000
6	Đậu Thị	K363.5	89	.60 4	2.0	300,1,5 000 00, 47 000
7	Huỳnh Nghị	K363.1	92			

	nh	.60 8	240,1,2
		2.0	000 00,
		56	000
8	Ngu Tho	K363.2 83	
	yễn a	.60 5	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
		98	000
9	Dươ Thu	K363.5 90	
	ng	.60 7	300,1,5
	Thị	2.1	000 00,
		02	000
10	Phạ	K363.6 82	
	m	.60 1	300,1,5
	Thị	2.1	000 00,
		19	000
11	Trần Ái	K363.1 77	
	Thị	.60 8	240,1,2
	Thú	2.0	000 00,
	y	02	000
12	Lê	K363.1 73	
	Thị	.60 8	240,1,2
		2.0	000 00,
		05	000
13	Ngu Dữ	K363.4 81	
	yễn	.60 3	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
		12	000
14	PhanHà	K363.2 81	
	Thú	.60 1	300,1,5
	y	2.0	000 00,
		19	000
15	Ngu Hồn	K363.2 80	
	yễn g	.60 5	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
	Xuâ	24	000
	n		
16	Phú Lan	K363.3 81	
	Thị h	.60 6	300,1,5
	Mỹ	2.0	000 00,
		36	000
17	Ngô Nga	K363.1 81	
	Thị	.60 8	240,1,2
	Hần	2.0	000 00,
	g	53	000
18	Ngâ Thiề	K363.3 77	
	n u	.60 2	240,1,2
	Văn	2.0	000 00,
		96	000

19	Trần Thụ	K363.2	75	
	Thị	.60	9	240,1,2
	Min	2.0		000 00,
	h	97		000
20	Ngũ Thụ	K363.2	77	
	yễn y	.60	5	240,1,2
	Phư	2.1		000 00,
		03		000
21	Đặng An	K357.4	82	
	g Vũ	.60	3	240,1,2
		2.0		000 00,
		01		000
22	TrầnChâ	K357.3	95	
	Thị m	.60	9	240,1,2
		2.0		000 00,
		03		000
23	Ngũ Dun	K357.5	82	
	yễn g	.60	7	240,1,2
	Thị	2.0		000 00,
		07		000
24	Đặng	K357.7	82	
	g	.60	5	240,1,2
	Thị	2.0		000 00,
		28		000
25	San Hươ	K357.8	82	
	Tha ng	.60	2	240,1,2
	nh	2.0		000 00,
		41		000
26	Ngũ Mạn	K357.3	82	
	yễn h	.60	2	240,1,2
	Thị	2.0		000 00,
		55		000
27	Ngũ Ngộ	K357.4	97	
	yễn c	.60	3	240,1,2
	Thị	2.0		000 00,
		62		000
28	PhanNhâ	K357.3	97	
	Thị n	.60	6	240,1,2
	Thù	2.0		000 00,
	y	69		000
29	Lê Phư	K357.4	90	
	Thị	.60	3	240,1,2

		2.0	000 00,
		76	000
30	Trần Thị	K357.6 82 .60 4	240,1,2
		2.0	000 00,
		82	000
31	Trần Thị c	K357.7 79 .60 5	240,1,2
		2.1	000 00,
		01	000
32	Hoà Thư ng ơng	K357.4 82 .60 3	240,1,2
	Thị	2.1	000 00,
		03	000
33	Ngũ Gian yễn g	K357.5 92 .60 7	240,1,2
	Thị	2.0	000 00,
	An	16	000
34	Hồ Hân Thị g	K357.3 92 .60 2	240,1,2
	Phư	2.0	000 00,
		19	000
35	Phạ m	K357.7 80 .60 5	240,1,2
	Thị	2.0	000 00,
		26	000
36	Ngũ Hồn yễn g	K357.3 77 .60 9	240,1,2
	Thị	2.0	000 00,
		34	000
37	Cao Hườ Thị ng	K357.5 84 .60 7	240,1,2
		2.0	000 00,
		42	000
38	Ngũ Lý yễn g	K358.0 87 .60 7	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
	Ngọ	52	000

c			
39	Ngu Ngộ K357.8 92		
	yễn c .60 6	240,1,2	
	Thị 2.0	000 00,	
	Như 63	000	
40	Ngu Quy K357.5 84		
	yễn ên .60 4	240,1,2	
	Thị 2.0	000 00,	
	80	000	
41	NghiThả K357.6 81		
	êm o .60 4	240,1,2	
	Thị 2.0	000 00,	
	87	000	
42	Phạ Tuy K357.5 87		
	m ến .60 0	240,1,2	
	Thị 2.1	000 00,	
	Min 14	000	
h			
43	Ngu An K347.6 82		
	yễn .60 2	240,1,2	
	Thị 2.0	000 00,	
	Ngộ 01	000	
c			
44	TrầnHươ K348.0 80		
	Thị ng .60 0	300,1,5	
	2.0	000 00,	
	42	000	
45	Lê Nở K347.7 88		
	Thị .60 6	240,1,2	
	2.0	000 00,	
	62	000	
46	TrầnQua K348.1 91		
	Hồn ng .60 9	300,1,5	
	g 2.0	000 00,	
	69	000	
47	Cao Tha K347.5 80		
	Thị nh .60 7	240,1,2	
	Tha 2.0	000 00,	
	nh 75	000	
48	Huỳnh Thắ K347.8 92		
	nh P ng .60 6	240,1,2	
	hươ 2.0	000 00,	
	ng 76	000	
49	Lươ Thà K347.7 88		
	ng Nnh .60 6	240,1,2	
	g 2.0	000 00,	
	ọc 78	000	
50	Vũ Thơ K347.8 80		
	Thị m .60 6	240,1,2	
	2.0	000 00,	

		86	000
51	Ngu Trư yễn ờng	K348.1 91 .60 9	300,1,5
		2.0	000 00,
		93	000
52	Trần Tuy Thị ến	K347.6 80 .60 7	240,1,2
		2.0	000 00,
		95	000
53	Phạ Uyê m n	K347.6 75 .60 2	240,1,2
	Thị	2.0	000 00,
		99	000
54	Trần Hoa Thị	K347.8 89 .60 6	240,1,2
	Tha	2.0	000 00,
	nh	33	000
55	Trần Nga Tổ	K347.5 89 .60 7	240,1,2
		2.0	000 00,
		55	000
56	Vi Oan Thị h	K347.6 89 .60 2	240,1,2
		2.0	000 00,
		64	000
57	Lê	K347.6 82 .60 7	240,1,2
		2.0	000 00,
		70	000
58	Lê Thú Thị y	K347.6 80 .60 7	240,1,2
		2.0	000 00,
		81	000
59	Đặng Thịn g h	K347.6 89 .60 7	240,1,2
	Thị	2.0	000 00,
		84	000
60	Huỳnh Tuấ nh T n	K348.1 92 .60 9	300,1,5
		2.0	000 00,

		94	000
61	Phù	K338.0 98	
	ng	.60 0	300,1,5
		2.0	000 00,
		53	000
62	Ngu Sáu	K338.1 98	
	yễn	.60 8	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
		63	000
63	Ngu Hà	K338.5 90	
	yễn	.60 5	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
		19	000
64	Lê	K338.0 96	
	Thị	.60 9	300,1,5
		2.0	000 00,
		23	000
65	Ngu	K338.3 90	
	yễn	.60 6	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
		38	000
66	Ngu My	K338.7 98	
	yễn	.60 3	300,1,5
	Trà	2.0	000 00,
		44	000
67	Huỳnh Nhu	K338.2 83	
	nh ng	.60 7	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
	Tuy	50	000
	ết		
68	TrầnPhur	K338.0 96	
	ơng	.60 0	300,1,5
		2.0	000 00,
		57	000
69	Hồ	K338.7 94	
	Tha	.60 3	300,1,5
	nh	2.0	000 00,
		67	000
70	Bùi Tha	K338.0 96	
	Ngọ nh	.60 0	300,1,5
	c	2.0	000 00,
		70	000
71	Ngu Thả	K338.0 93	

	yễn o	.60 9	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
		74	000
72	Trị Trn	K338.0 88	
	h g	.60 0	300,1,5
	Thị	2.0	000 00,
		85	000
73	Ngô Duy	K363.0 81	
	Thị ên	.61 6	240,1,2
		0.0	000 00,
		08	000
74	Ngu Hân	K363.0 93	
	yễn g	.61 6	240,1,2
	Thị	0.0	000 00,
		10	000
75	Lê Hươ	K363.3 91	
	ng	.61 5	300,1,5
		0.0	000 00,
		24	000
76	Vũ Mạn	K363.3 80	
	Thị h	.61 2	300,1,5
		0.0	000 00,
		39	000
77	Lê TNhâ	K363.0 80	
	n	.61 3	240,1,2
		0.0	000 00,
		46	000
78	Ngu Nhu	K363.0 80	
	yễn ng	.61 3	240,1,2
	Thị	0.0	000 00,
	Hôn	48	000
	g		
79	Mai Phư	K363.2 91	
	Thị ợng	.61 4	300,1,5
		0.0	000 00,
		50	000
80	Ngu Phư	K363.2 80	
	yễn ợng	.61 1	300,1,5
		0.0	000 00,
		53	000
81	Ngu	K363.2 80	
	yễn	.61 1	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,

		57	000
82	Hoà Thà	K363.2 91	
	ng nh	.61 6	300,1,5
	Văn	0.0	000 00,
		60	000
83	Lê Thà	K363.2 80	
	Thị o	.61 6	300,1,5
	Tha	0.0	000 00,
	nh	62	000
84	Lê Tran	K363.4 80	
	Thị g	.61 4	300,1,5
		0.0	000 00,
		66	000
85	Phạ Chi	K357.1 82	
	m	.61 0	240,1,2
	Thị	0.0	000 00,
		09	000
86	Trần Hạng	K357.0 92	
	Thị h	.61 7	240,1,2
		0.0	000 00,
		27	000
87	Võ	K357.1 90	
	Thị	.61 0	240,1,2
		0.0	000 00,
		31	000
88	Hoà	K357.6 94	
	ng	.61 6	240,1,2
	Thị	0.0	000 00,
		57	000
89	Lê Lữn	K357.2 82	
	Thị g	.61 1	240,1,2
	Xi	0.0	000 00,
		64	000
90	Trần Na	K357.1 90	
	Thị	.61 4	240,1,2
		0.0	000 00,
		70	000
91	Đinh Tuấ	K357.1 85	
	Sỹ n	.61 4	240,1,2
		0.1	000 00,
		02	000
92	Lại Vui	K357.4 82	
	Thú	.61 1	240,1,2
	y	0.1	000 00,
		04	000
93	Ngũ Xuâ	K357.3 95	
	yễn n	.61 8	240,1,2
	Tha	0.1	000 00,

	nh	07	000
94	Trần	K357.3 82	
	Thị	.61 4	240,1,2
		0.1	000 00,
		08	000
95	ĐinhAn	K357.3 82	
	Thị	.61 4	240,1,2
	Thú	0.0	000 00,
	y	01	000
96	Ngu Chi	K357.2 82	
	yễn	.61 1	240,1,2
	Thị	0.0	000 00,
		10	000
97	PhanChin	K357.2 82	
	Thị h	.61 4	240,1,2
		0.0	000 00,
		11	000
98	Ngu Hoa	K357.3 88	
	yễn	.61 4	240,1,2
	Thị	0.0	000 00,
	Tha	34	000
	nh		
99	TrầnNga	K357.1 92	
	Thị	.61 4	240,1,2
		0.0	000 00,
		73	000
100	Lê Nghi	K357.6 88	
	Thị a	.61 6	240,1,2
		0.0	000 00,
		75	000
101	Lưu Phư	K357.2 83	
	Thị ợng	.61 4	240,1,2
		0.0	000 00,
		80	000
102	Trần Trư	K357.1 86	
	Quố ởng	.61 0	240,1,2
	c	0.1	000 00,
		01	000
103	Ngu Đào	K347.5 82	
	yễn	.61 6	240,1,2
	Thị	0.0	000 00,

	09	000
104	Ngu Hòa K347.6 90	
	yễn .61 0	240,1,2
	Tha 0.0	000 00,
	nh 23	000
105	TrầnHóa K347.4 96	
	Tha .61 8	240,1,2
	nh 0.0	000 00,
	25	000
106	Cao Huế K347.4 82	
	Thị .61 8	240,1,2
	0.0	000 00,
	27	000
107	Ngu Lươ K347.4 92	
	yễn ng .61 8	240,1,2
	0.0	000 00,
	45	000
108	TrầnNămK347.5 82	
	Thị .61 2	240,1,2
	0.0	000 00,
	46	000
109	Tạ Thê K347.6 82	
	Thị u .61 0	240,1,2
	0.0	000 00,
	73	000
110	Lê Thư K347.6 82	
	Thị ơng .61 4	240,1,2
	0.0	000 00,
	80	000
111	Vũ Đạt K347.4 95	
	.61 0	240,1,2
	0.0	000 00,
	08	000
112	Ngu Hải K347.7 95	
	yễn .61 6	240,1,2
	Thị 0.0	000 00,
	Tha 15	000
	nh	
113	Dươ Hòa K347.4 80	
	ng .61 0	240,1,2
	Thị 0.0	000 00,
	24	000
114	Ngu Quế K347.6 82	
	yễn .61 8	240,1,2
	Thị 0.0	000 00,
	59	000
115	Vũ Thủ K347.4 85	

	Thị y	.61 4	240,1,2
		0.0	000 00,
		75	000
116 Lê Thư	K347.6	90	
	Thị ơng	.61 0	240,1,2
		0.0	000 00,
		81	000
117 Đoà Dun	K338.1	85	
	n g	.61 7	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,
		09	000
118 Hoà	K338.0	91	
	ng	.61 9	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,
		21	000
119 Ngu Huệ	K338.3	100	
	yễn	.61 7	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,
		30	000
120 Phạ Huệ	K338.1	81	
	m	.61 7	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,
		31	000
121 Lê Huy	K338.0	93	
	Thị ền	.61 6	300,1,5
		0.0	000 00,
		32	000
122 Lê Hưn	K338.2	90	
	Thị g	.61 6	300,1,5
		0.0	000 00,
		38	000
123 Chu Hườ	K338.0	84	
	Thị ng	.61 6	300,1,5
		0.0	000 00,
		43	000
124 Cao Tha	K338.2	94	
	Võ nh	.61 3	300,1,5
	Đăn	0.0	000 00,
	g	75	000
125 Đỗ Tha	K338.0	90	
	Thị nh	.61 3	300,1,5
		0.0	000 00,
		76	000
126 Đậu Thấ	K338.2	81	
	Thị m	.61 0	300,1,5
		0.0	000 00,
		77	000
127 Diê Thu	K338.0	80	
	m ận	.61 6	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,

		82	000
128	Lê Tư K338.3	90	
	Thị	.61 1	300,1,5
		0.0	000 00,
		96	000
129	Hoà Bắc K338.4	90	
	ng	.61 9	300,1,5
		0.0	000 00,
		04	000
130	Ngu Hân K338.1	94	
	yễn g	.61 4	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,
		15	000
131	Lê K338.0	92	
	Thị	.61 9	300,1,5
		0.0	000 00,
		48	000
132	Ngu K338.0	90	
	yễn	.61 3	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,
		50	000
133	Đăn K338.0	94	
	g	.61 6	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,
	Hôn	59	000
	g		
134	Hoà Tư K338.2	94	
	ng	.61 3	300,1,5
	Thị	0.0	000 00,
		95	000
135	Đỗ K363.3	96	
	Thị	.60 1	300,1,5
	Ngọ	8.0	000 00,
	c	04	000
136	Huỳnh K362.9	86	
	nh Nền	.60 5	240,1,2
	g	8.0	000 00,
	ọc	23	000
137	Bùi Linh K362.8	84	
		.60 8	240,1,2
		8.0	000 00,
		29	000
138	Trần My K363.0	84	
	Thị	.60 0	240,1,2

8.0 000 00,
38 000

139 Tôn Phur K363.1 83

ợng .60 0 240,1,2
8.0 000 00,
49 000

140 Đặn Phur K362.8 85

g ợng .60 3 240,1,2
Thị 8.0 000 00,
51 000

141 Ngu Tha K363.0 83

yễn nh .60 5 240,1,2
Thị 8.0 000 00,
57 000

142 Phạ Thơ K362.9 84

m .60 5 240,1,2
Thị 8.0 000 00,
Hươ 60 000
ng

143 Ngu Thư K363.0 85

yễn .60 2 240,1,2
Thị 8.0 000 00,
61 000

144 Lê Tuy K362.8 85

Thị ết .60 3 240,1,2
8.0 000 00,
72 000

145 Ngu Vân K363.2 90

yễn .60 4 300,1,5
Thị 8.0 000 00,
Lê 74 000

146 Ngu Chi K357.9 82

yễn .60 0 240,1,2
Thị 8.0 000 00,
06 000

147 Ngu Ngu K357.8 82

yễn y	.60 7	240,1,2
Thị ên	8.0	000 00,
	48	000

148 Ngu Như K358.1 82

yễn	.60 6	300,1,5
Ngọ	8.0	000 00,
c Qu	52	000
ỳnh		

149 Ngu Vinh K357.8 89

yễn	.60 1	240,1,2
Thị	8.0	000 00,
Thù	84	000

y

150 Trần K357.9 72

Thái	.60 4	240,1,2
Vi	8.0	000 00,
	20	000

151 Bùi K357.9 93

Mỹ	.60 0	240,1,2
	8.0	000 00,
	22	000

152 Lê K357.8 93

Qua	.60 4	240,1,2
ng	8.0	000 00,
	23	000

153 Ngu Hòa K357.8 86

yễn	.60 1	240,1,2
Quố	8.0	000 00,
c	27	000

154 Dươ Lưc K357.9 78

ng	.60 7	240,1,2
	8.0	000 00,
	40	000

155 Ngu My K358.1 94

yễn	.60 0	300,1,5
Thị	8.0	000 00,
Trà	43	000

156 TrầnNgâ K358.4 94

n	.60 5	300,1,5
	8.0	000 00,
	45	000

157 Ngu Thái K357.7 95

yễn	.60 1	240,1,2
Min	8.0	000 00,

h	63	000
158 Ngu Trân	K357.9 93	
yễn	.60 7	240,1,2
	8.0	000 00,
	76	000

159 Ngu Oan	K347.2 82	
yễn h	.60 6	240,1,2
Thị	8.0	000 00,
	33	000

160 Ngu Phư	K347.3 82	
yễn ơng	.60 0	240,1,2
Thị	8.0	000 00,
	34	000

161 Trịn Trí	K347.3 96	
h Mi	.60 0	240,1,2
nh	8.0	000 00,
	51	000

162 Ngu Bướ	K347.4 82	
yễn i	.60 1	240,1,2
Thị	8.0	000 00,
	04	000

163 Ngu	K347.3 73	
yễn	.60 0	240,1,2
	8.0	000 00,
	17	000

164 TrầnHuy	K347.2 73	
Thị ền	.60 6	240,1,2
	8.0	000 00,
	19	000

165 Cao	K347.2 86	
Xuâ	.60 6	240,1,2
n	8.0	000 00,
	37	000

166 Hồ Tha	K347.8 74	
Ngọ nh	.60 9	240,1,2
c Di	8.0	000 00,
ễn	38	000

167 Ngô Thọ	K347.5 88	
Trư	.60 2	240,1,2
	8.0	000 00,
	42	000

168	Lê Dun	K337.7	85	
	Thị g	.60	5	240,1,2
	Tha	8.0		000 00,
	nh	06		000
169	Vũ	K338.5	95	
	Ngọ	.60	5	300,1,5
	c Th	8.0		000 00,
	úy	07		000
170	Ngu Hạng	K337.8	85	
	yễn h	.60	5	240,1,2
	Hoà	8.0		000 00,
	ng	10		000
171	Châu	K337.9	95	
	u	.60	0	240,1,2
	Thị	8.0		000 00,
	Thu	13		000
172	ĐinhHươ	K338.1	95	
	Thị ng	.60	5	300,1,5
	Thu	8.0		000 00,
		15		000
173	Ngu Loa	K337.8	85	
	yễn n	.60	0	240,1,2
	Thị	8.0		000 00,
		23		000
174	ĐàmMin	K338.0	95	
	Thị h	.60	0	300,1,5
	Bình	8.0		000 00,
		27		000
175	Ngu Sa	K338.0	85	
	yễn	.60	0	300,1,5
	Thị	8.0		000 00,
	Uyê	33		000
	n			
176	Lê Tha	K337.9	85	
	Thị nh	.60	5	240,1,2
		8.0		000 00,
		35		000
177	Phạ Trâ	K337.8	85	
	m N m	.60	5	240,1,2
	guyễn	8.0		000 00,
	n	50		000